

Số: /BC-UBND

Tủa Chùa, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị Quyết số 175/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ Mười ba về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024; Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Tủa Chùa về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024; Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Tủa Chùa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-TTHĐND ngày 05/02/2024 của Thường trực HĐND huyện Tủa Chùa về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2024; Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND huyện Tủa Chùa về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2024.

UBND huyện Tủa Chùa Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng thu ngân sách địa phương thực hiện đến ngày 15/11/2024: 882.616 triệu đồng, trong đó ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 880.732 triệu đồng, đạt 118% dự toán huyện giao; ước thực hiện cả năm 895.794 triệu đồng, đạt 120%; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 19%, cụ thể như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 24.167 triệu đồng, đạt 139% dự toán giao. Trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn huyện và xã hưởng 22.282 triệu đồng, đạt 144% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 25.041 triệu đồng, đạt 144% dự toán huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 99%.

Chi tiết các khoản thu như sau:

1. Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh: Thực hiện 12.414 triệu đồng, đạt 143% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 12.529 triệu đồng, đạt 144% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 33%.

2. Lệ phí trước bạ: Thực hiện 3.011 triệu đồng, đạt 120% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 3.100 triệu đồng, đạt 123% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 3%.

3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện 38 triệu đồng, đạt 76% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 50 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 71%.

4. Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 1.482 triệu đồng, đạt 114% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 1.490 triệu đồng, đạt 114% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 1%.

5. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện 1.465 triệu đồng, đạt 209% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 1.465 triệu đồng, đạt 209% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 133%.

6. Phí và lệ phí: Thực hiện 1.142 triệu đồng, đạt 159% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 1.201 triệu đồng, đạt 167% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 69%.

7. Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện 916 triệu đồng, đạt 183% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 1.000 triệu đồng, đạt 200% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 44%.

8. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: Thực hiện 904 triệu đồng, đạt 129% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 904 triệu đồng, đạt 129% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 13%.

9. Thu khác ngân sách: Thực hiện 2.767 triệu đồng, đạt 131% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 3.276 triệu đồng, đạt 155% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 39%.

10. Thu từ quỹ công ích và thu hoa lợi công sản khác: Thực hiện 26 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 26 triệu đồng.

II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: Thực hiện 780.272 triệu đồng, đạt 107% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 792.576 triệu đồng, đạt 108% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 20%, bao gồm:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: Thực hiện 582.036 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 582.036 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 18%.

- Thu bổ sung có mục tiêu: Thực hiện 198.236 triệu đồng, đạt 132% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 210.540 đồng, đạt 141% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 28%.

III. Thu chuyển nguồn ngân sách: Thực hiện 73.163 triệu đồng (*bao gồm: Ngân sách huyện 56.126,3 triệu đồng; Ngân sách xã 17.036,7 triệu đồng*), tăng 11% so với năm 2023.

IV. Thu kết dư ngân sách: Thực hiện 5.014 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 5.014; so với năm 2023 tăng 1.666%.

(chi tiết theo phụ biểu số 01 đính kèm)

B. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 15/11/2024: 588.360 triệu đồng, đạt 79% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 893.533 triệu đồng, đạt 120% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 20%.

Chi tiết các khoản chi như sau:

I. Chi cân đối ngân sách địa phương

Tổng chi cân đối ngân sách: Thực hiện 481.211 triệu đồng, đạt 81% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 659.891 đồng, đạt 110% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 17%, trong đó:

1. Chi đầu tư: Thực hiện 6.770 triệu đồng, đạt 35% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 19.158 đồng, đạt 104% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 89%.

2. Chi thường xuyên: Thực hiện 474.441 triệu đồng, đạt 85% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 640.733 triệu đồng, đạt 114% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 18%, cụ thể các lĩnh vực chi như sau:

- Chi quốc phòng: Thực hiện 13.845 triệu đồng, đạt 131% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 18.491 triệu đồng, đạt 175% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 74%.

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: Thực hiện 6.587 triệu đồng, đạt 97% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 8.508 triệu đồng, đạt 125% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 44%.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Thực hiện 294.599 triệu đồng, đạt 83% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 395.095 triệu đồng, đạt 111% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 20%.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Thực hiện 529 triệu đồng, đạt 118% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 529 triệu đồng, đạt 118% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 1%.

- Chi sự nghiệp Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình: Thực hiện 8.532 triệu đồng, đạt 107% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 9.084 triệu đồng, đạt 114% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 45%.

- Chi sự nghiệp môi trường: Thực hiện 1.404 triệu đồng, đạt 56% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 2.500 triệu đồng, đạt 100% dự toán; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 96%.

- Chi đảm bảo xã hội: Thực hiện 28.353 triệu đồng, đạt 91% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 36.360 triệu đồng, đạt 126% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 19%.

- Chi sự nghiệp kinh tế: Thực hiện 28.353 triệu đồng, đạt 73% so với dự toán giao; ước thực hiện cả năm 48.289 triệu đồng, đạt 124% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 1%.

- Chi quản lý hành chính: Thực hiện 93.482 triệu đồng, đạt 86% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 121.042 triệu đồng, đạt 111% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 12%.

- Chi hỗ trợ các đơn vị: Thực hiện 800 triệu đồng, đạt 96% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 835 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 31%.

3. Chi từ nguồn tăng thu trên địa bàn: Chưa thực hiện; ước thực hiện cả năm 730 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao.

4. Dự phòng ngân sách: Thực hiện 11.935 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao, trong đó: Cấp huyện thực hiện 10.342 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao, (bao gồm: Khắc phục hậu quả thiên tai sửa chữa tường bao Huyện ủy 150 triệu đồng; Kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản trên địa bàn huyện 700 triệu đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai sửa chữa tường bao của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện 400 triệu đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai tuyến đường từ thôn Nong Hung, xã Mường Báng đi xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa 1.000 triệu đồng; Sửa chữa, Thủy lợi Háng Lông Dê, thôn 1, xã Lao Xả Phình 300 triệu đồng; Xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai tuyến đường từ Đèo Gió - Vàng Chua, xã Sính Phình - xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa 1.284,9 triệu đồng, Khắc phục hậu quả thiên tai xử lý ùn tắc đảm bảo giao thông các tuyến đường trên địa bàn huyện Tủa Chùa 650 triệu đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai tuyến đường Làng Sảng (xã Tả Sìn Thàng) đi Lầu Câu Phình (xã Lao Xả Phình) 300 triệu đồng; Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai (sửa chữa, thay thế biển chữ "HANG ĐỘNG KHÓ CHUA LA", cửa hang động và các hệ thống biển báo, khác 250 triệu đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai kê chắn đất cánh đồng Tà Là Cáo, xã Sính Phình, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên 803,8 triệu đồng; Kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ huyện 3.473 triệu đồng; Kinh phí diễn tập phòng thủ; kinh phí mua vật tư, chế độ cho lực lượng tham gia chữa cháy cháy rừng tại xã Mường Báng 200 triệu đồng; Kinh phí diễn tập phòng thủ tại UBND Thị trấn Tủa Chùa 70 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ sửa chữa nhà ở 12 hộ gia đình bị thiệt hại về nhà ở 60 triệu đồng; Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Đê Lu 1, xã Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa 214,9 triệu đồng; Kinh phí tiêm phòng định kỳ đợt 2 và tiêm phòng vắc xin Viêm da nổi cục trên địa bàn huyện 224,2 triệu đồng; Kinh phí khắc phục, hậu quả thiên tai Tuyến đường từ Trung tâm Y tế huyện (thị trấn) đi thôn Tiên Phong (xã Mường Báng) 111,2 triệu đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, đảm bảo giao thông các tuyến đường: Đèo Gió - Vàng

Chùa - Lao Xã Phình; Nhù Pông Chùa - Thôn 3, xã Sính Phình 150 triệu đồng); Kinh phí phân bổ cho UBND các xã, thị trấn 1.593 triệu đồng.

5. Chi khác ngân sách: Thực hiện 2.100 triệu đồng, đạt 52% dự toán giao, (bao gồm: Nguồn chi khác ngân sách phân bổ 2.000 triệu đồng; nguồn tiền lương và các khoản có tính chất như lương phân bổ 100 triệu đồng); Kinh phí số còn lại chưa phân bổ 1.924,7 triệu đồng (bao gồm tiền lương và các khoản có tính chất như lương). Ước thực hiện cả năm 4.025 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao.

6. Nguồn tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương: Chưa thực hiện; ước thực hiện cả năm 1.073 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao.

II. Chi Chương trình mục tiêu quốc: Thực hiện 107.058 triệu đồng, đạt 72% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 233.156 triệu đồng, đạt 156% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 139%, cụ thể:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Thực hiện 37.031 triệu đồng, đạt 68% dự toán giao; Ước thực hiện cả năm 72.816 triệu đồng đạt 133% dự toán giao; so với năm 2023 tăng 124% trong đó:

- Vốn đầu tư: Thực hiện 11.445 triệu đồng, đạt 59% dự toán giao; Ước thực hiện cả năm 22.967 triệu đồng đạt 118% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 203%.

- Vốn sự nghiệp: Thực hiện 25.586 triệu đồng, đạt 73% dự toán giao; Ước thực hiện cả năm 49.849 triệu đồng đạt 141% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 100%.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Thực hiện 6.198 triệu đồng, đạt 91% dự toán giao; Ước thực hiện cả năm 8.996 triệu đồng đạt 131% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 45%, trong đó:

- Vốn đầu tư: Thực hiện 5.764 triệu đồng, đạt 123% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 5.953 triệu đồng, đạt 127% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 34%.

- Vốn sự nghiệp: Thực hiện 434 triệu đồng, đạt 20% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 3.043 triệu đồng, đạt 141% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 34%.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện 63.829 triệu đồng, đạt 73% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 151.374 triệu đồng đạt 173% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 235%, trong đó:

- Vốn đầu tư: Thực hiện 31.535 triệu đồng, đạt 73% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 85.253 triệu đồng, đạt 198% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 520%.

- Vốn sự nghiệp: Thực hiện 32.294 triệu đồng, đạt 72% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 66.122 triệu đồng, đạt 148% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 110%.

III. Chi thực hiện chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: Thực hiện 92 triệu đồng, đạt 19%; ước thực hiện cả năm 486 triệu đồng đạt 100% dự toán giao.

(chi tiết theo phụ biểu số 02 đính kèm)

C. THU - CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ

1. Thu ngân sách Nhà nước: Thực hiện đến ngày 15/11/2024: 121.400 triệu đồng, đạt 90% dự toán huyện giao, trong đó thu ngân sách trên địa bàn thực hiện 1.039 triệu đồng, đạt 128% dự toán giao. Ước thực hiện cả năm 166.127 triệu đồng đạt 123% dự toán huyện giao.

2. Chi ngân sách nhà nước: Thực hiện đến ngày 15/11/2024: 106.620 triệu đồng, đạt 80% dự toán huyện giao, trong đó chi bổ sung cân đối 63.317 triệu đồng, đạt 81% dự toán huyện giao; chi bổ sung có mục tiêu 43.303 triệu đồng, đạt 77% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm 166.127 triệu đồng đạt 124% dự toán huyện giao.

3. Chi tiết thu, chi ngân sách cấp xã

3.1. UBND thị trấn Tủa Chùa

- Thu ngân sách: Thực hiện 11.093 triệu đồng, đạt 84% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 835 triệu đồng, đạt 167% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 14.816 triệu đồng đạt 112% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 8.786 triệu đồng, đạt 69% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 14.816 triệu đồng đạt 117% dự toán huyện giao.

3.2. UBND xã Mường Báng

- Thu ngân sách: Thực hiện 11.625 triệu đồng, đạt 96% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 20 triệu đồng, đạt 66% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 17.303 triệu đồng đạt 144% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 10.500 triệu đồng, đạt 87% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 17.303 triệu đồng đạt 144% dự toán huyện giao.

3.3. UBND xã Xá Nhè

- Thu ngân sách: Thực hiện 12.785 triệu đồng, đạt 96%, trong đó thu trên địa bàn 31 triệu đồng, đạt 62% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 16.866 triệu đồng đạt 127% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 11.844 triệu đồng, đạt 89% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 16.866 triệu đồng đạt 127% dự toán huyện giao.

3.4. UBND xã Mường Đun

- Thu ngân sách: Thực hiện 8.815 triệu đồng, đạt 84% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 22 triệu đồng, đạt 102% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 13.998 triệu đồng đạt 134% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 8.249 triệu đồng, đạt 79% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 13.998 triệu đồng đạt 134% dự toán huyện giao.

3.5. UBND xã Tủa Thành

- Thu ngân sách: Thực hiện 12.151 triệu đồng, đạt 111% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 9 triệu đồng, đạt 42% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến cả năm: 14.207 triệu đồng đạt 129% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 10.751 triệu đồng, đạt 98% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 14.207 triệu đồng đạt 130% dự toán huyện giao.

3.6. UBND xã Huổi Sớ

- Thu ngân sách: Thực hiện 8.117 triệu đồng, đạt 87% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 8 triệu đồng, đạt 38% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 10.377 triệu đồng đạt 111% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 7.012 triệu đồng, đạt 75% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 10.377 triệu đồng đạt 112% dự toán huyện giao.

3.7. UBND xã Sính Phình

- Thu ngân sách: Thực hiện 12.916 triệu đồng, đạt 98% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 23 triệu đồng, đạt 90% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 16.415 triệu đồng đạt 125% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 9.416 triệu đồng, đạt 72% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 16.415 triệu đồng đạt 125% dự toán huyện giao.

3.8. UBND xã Tả Phìn

- Thu ngân sách: Thực hiện 10.410 triệu đồng, đạt 98% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 20 triệu đồng, đạt 89% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 12.604 triệu đồng đạt 119% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 9.121 triệu đồng, đạt 86% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 12.604 triệu đồng đạt 119% dự toán huyện giao.

3.9. UBND xã Trung Thu

- Thu ngân sách: Thực hiện 9.712 triệu đồng, đạt 98% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 15 triệu đồng, đạt 74% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 12.704 triệu đồng đạt 128% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 9.109 triệu đồng, đạt 92% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 12.704 triệu đồng đạt 129% dự toán huyện giao.

3.10. UBND xã Tả Sìn Thàng

- Thu ngân sách: Thực hiện 8.358 triệu đồng, đạt 85% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 36 triệu đồng, đạt 72% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 11.709 triệu đồng đạt 119% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 7.655 triệu đồng, đạt 78% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 11.709 triệu đồng đạt 119% dự toán huyện giao.

3.11. UBND xã Lao Xả Phình

- Thu ngân sách: Thực hiện 6.399 triệu đồng, đạt 64% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 6 triệu đồng, đạt 28% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 10.837 triệu đồng đạt 108% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 6.394 triệu đồng, đạt 64% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 10.837 triệu đồng đạt 108% dự toán huyện giao.

3.12. UBND xã Sín Chải

- Thu ngân sách: Thực hiện 9.020 triệu đồng, đạt 75% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 15 triệu đồng, đạt 54% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 14.292 triệu đồng đạt 120% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 7.782 triệu đồng, đạt 65% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 14.292 triệu đồng đạt 120% dự toán huyện giao.

(chi tiết theo phụ lục biểu số 03,04,05,19,20,21,22,23,24,25,26,27,28, 29 đính kèm)

D. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về nhiệm vụ thu ngân sách

- Kết quả thu ngân sách trên địa thực hiện 15/11/2024: 24.167 triệu đồng, đạt 139% dự toán giao. Trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn huyện và xã hưởng

22.282 triệu đồng, đạt 144% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 25.041 triệu đồng, đạt 144% dự toán huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 99%.

- Công tác quản lý, điều hành ngân sách cơ bản thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành. Căn cứ Quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và dự toán ngân sách tỉnh giao, UBND huyện thực hiện phân bổ giao dự toán thu ngân sách cho các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định trên cơ sở dự toán xây dựng đã lập. Các khoản thu cơ bản sát với tình hình thực tế nguồn thu trên địa bàn huyện.

2. Về nhiệm vụ chi ngân sách: Chi ngân sách 11 tháng đầu năm 2024 đã cơ bản đáp ứng được các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thực hiện các chính sách an sinh xã hội như: Chi trả thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT - BLĐT BXH-BTC; Hỗ trợ theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông bán trú theo Nghị định 116/NĐ-CP, Kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP. Một số nhiệm vụ chi phát sinh như nguồn vốn giao đầu năm nhưng chưa phân bổ chi tiết, nguồn vốn tỉnh giao bổ sung..., UBND huyện đã xin ý kiến của Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, thống nhất với Thường trực HĐND huyện phân bổ, giao chi tiết cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

3. Về công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2024: Để thực hiện tốt các quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương và chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2024, Ngày 24/01/2024, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND Quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2024 trên địa bàn huyện; chỉ đạo, quán triệt các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện, bám sát dự toán ngân sách đã được giao chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ chi đáp ứng kịp thời những nhiệm vụ cần thiết, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cân đối các khoản chi cho phù hợp với nhiệm vụ của đơn vị.

4. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

4.1. Tồn tại, hạn chế

- Một số sắc thuế đạt thấp như: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 76% dự toán giao. Kết quả thực hiện giao thu ngân sách của một số đơn vị giao thu còn chưa đạt (*chi tiết tại phụ biểu số 05 đính kèm*).

- Công tác giải ngân thực hiện một số nguồn vốn còn chậm như: Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước (*30% cấp huyện quản lý*) đạt 34%; Chi sự nghiệp môi trường đạt 56%; Chương trình MTQG nông thôn mới vốn sự nghiệp đạt 20%; Chi chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác đạt 19% dự toán giao...

- Trình độ năng lực của cán bộ, công chức một số đơn vị cấp xã không đồng đều, còn lúng túng trong tổ chức thực hiện, chưa nắm rõ các quy định của Trung ương, của tỉnh... Công tác kiểm tra, giám sát còn chồng chéo, thực hiện bởi nhiều cơ quan, đơn vị, nội dung chồng chéo, trùng lặp...

4.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

+ Do Luật Đất đai ngày 18/01/2024 và Nghị định số 103/2024/NĐ ngày 30/7/2024 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ 01/8/2024, dẫn đến số thu từ tiền sử dụng đất phi nông nghiệp đạt thấp do chưa triển khai, thực hiện;

+ Một số nguồn vốn giao cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn giải ngân chậm là do các dự án này mới được bố trí kế hoạch vốn để khởi công mới nhưng do trình tự, thủ tục chuẩn bị đầu tư, GMMB, lựa chọn nhà thầu còn phức tạp cũng gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện giải ngân vốn;

+ Một số dự án đang triển khai thực hiện nhưng do thời tiết, khí hậu phức tạp mùa mưa đến sớm, giao thông đi lại khó khăn gây ảnh hưởng đến việc thi công xây dựng công trình;

+ Số lượng văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện các chương trình quá nhiều; có những nội dung mới sửa đổi, điều chỉnh nên chưa thống nhất, khó khăn trong việc áp dụng thực hiện.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Khả năng thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn, nguồn vốn chủ yếu do Trung ương và tỉnh trợ cấp, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Việc huy động đóng góp của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn do nhân dân có thu nhập thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, nhận thức của một số bộ phận nhân dân còn hạn chế;

+ Một số đơn vị, địa phương chưa chủ động, chưa quyết liệt đến công tác thu ngân sách trên địa bàn nộp vào NSNN theo quy định;

+ Công tác phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị với địa phương còn hạn chế, nhất là trong việc tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện và tham mưu thực hiện các nhiệm vụ chương trình; Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền về thực hiện Chương trình mục tiêu còn chậm, chưa kịp thời; chưa sâu sát, thiếu chủ động, linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện;

+ Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn của một số đơn vị cho các xã, thị trấn chưa thường xuyên, kịp thời; việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư chưa được quan tâm nên nhiều công trình giao thông nông thôn, thủy lợi, nước sinh hoạt ... có dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng;

+ Nguồn vốn sự nghiệp môi trường đã được UBND huyện phân bổ cho UBND các xã, thị trấn thực hiện, tuy nhiên hiệu quả thực hiện còn hạn chế.

Phần thứ hai

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày

16/7/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025- 2027; Thông báo số 4034/TB-UBND ngày 11/9/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 và dự kiến số thu, chi ngân sách địa phương năm 2026-2027.

Năm 2025 là năm cuối của thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, là năm thứ năm thực hiện mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025, UBND huyện báo cáo dự toán và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương và giải pháp về đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2025 như sau:

I. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ

1. Về thu ngân sách

Dự toán thu ngân sách được xây dựng trên cơ sở các quy định dự thảo về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 theo Nghị Quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh Điện Biên sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên.

2. Về chi ngân sách

- Là năm cuối của thời kỳ ổn định ngân sách mới, cơ sở tính và phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách thực hiện theo các tiêu chí và định mức phân bổ NSDP theo Nghị Quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Điện Biên về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Điện Biên và Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Điện Biên; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, huyện Tủa Chùa.

- Dự toán chi đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công, Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư, thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị Quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Nghị Quyết số 973/2020/UBTVQH ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh Điện Biên ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2025, UBND huyện giao cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn bảo đảm bố trí đủ kinh phí thực hiện

các chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn khi phân bổ, giao dự toán ngân sách (đã bao gồm kinh phí cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng) cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán chi được UBND huyện giao về tổng mức và chi tiết theo lĩnh vực chi; phân bổ dự toán chi phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật.

- Việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên phù hợp với tiến độ và lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo các quy định của Đảng và nhà nước. Phần kinh phí còn dư được sử dụng 70% bổ sung thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở trong từng lĩnh vực, 30% còn lại thực hiện chi trả các chính sách an sinh xã hội và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của từng lĩnh vực theo quy định.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất, đấu giá đất (sau khi đã hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng): Sử dụng 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011, Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính để thực hiện công tác đo đạc, đăng lý đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với 90% số thu còn lại thực hiện chi đầu tư cho các công trình, dự án và hỗ trợ chương trình xây dựng nông thôn mới.

II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

1. Thu ngân sách địa phương: 759.950 triệu đồng, trong đó phân ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp 757.915 triệu đồng, bao gồm:

1.1. Thu ngân sách trên địa bàn: 19.700 triệu đồng, trong đó thu trên địa bàn huyện và xã hưởng theo phân cấp 17.665 triệu đồng, chi tiết như sau:

- Thuế ngoài quốc doanh: 9.420 triệu đồng;
- Lệ phí trước bạ: 2.510 triệu đồng;
- Thuế thu nhập cá nhân: 1.600 triệu đồng;
- Thu tiền sử dụng đất: 600 triệu đồng;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 100 triệu đồng;
- Phí và lệ phí: 1.100 triệu đồng;
- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 900 triệu đồng;
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 950 triệu đồng;
- Thu khác ngân sách: 2.510 triệu đồng.

1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 740.250 triệu đồng.

2. Chi ngân sách địa phương: 757.915 triệu đồng, bao gồm:

2.1. Các khoản chi cân đối ngân sách địa phương: 757.694 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 19.518 triệu đồng;
- Các khoản chi thường xuyên: 723.043 triệu đồng;
- Dự phòng ngân sách: 15.133 triệu đồng;

2.2. Chi các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 221 triệu đồng.

(chi tiết theo biểu số 15,16,17,30,31,32,33,34,35,36,37,38,39,40,41,42,43,44 đính kèm)

Phần thứ ba

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DỰ TOÁN THU, CHI NĂM 2025

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

Dự toán thu năm 2025 giao cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn là mức tối thiểu; căn cứ vào kết quả tình hình phát triển trên địa bàn các xã, thị trấn và kết quả thu ngân sách năm 2024 và các chế độ, chính sách hiện hành, phấn đấu khai thác mọi nguồn thu và chống thất thu ngân sách, đảm bảo mức phấn đấu cao hơn dự toán thu ngân sách được HĐND huyện giao. Trước mắt cần tập trung, chỉ đạo một số nhiệm vụ sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật về thuế và văn bản hướng dẫn Chính phủ, bộ ngành liên quan. Đồng thời tổ chức thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thu theo chính sách, pháp luật thuế mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung;

- Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn được giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thu căn cứ phân cấp nguồn thu theo quy định và chỉ tiêu dự toán thu giao 2025, tiến hành tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2024, làm rõ những tồn tại, nguyên nhân để đề ra những giải pháp tích cực, tăng cường công tác quản lý, điều hành thu, tổ chức thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo chính sách, pháp luật thuế, nhằm đảm bảo thực hiện vượt mức chỉ tiêu thu ngân sách được HĐND huyện giao năm 2025.

- Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện, Chi cục Thuế khu vực Tuần Giáo - Tòa Chùa, Kho bạc Nhà nước huyện nghiên cứu, triển khai thực hiện các nội dung tại Thông tư số 108/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; triển khai áp dụng hóa đơn điện tử, tăng cường quản lý nợ và thu hồi nợ thuế;

- Ban Chỉ đạo chống thất thu và đôn đốc thu nộp ngân sách huyện, Chi cục Thuế khu vực Tuần Giáo - Tòa Chùa và các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, trốn lậu thuế..., kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; đôn đốc các cơ quan, đơn vị thu hồi kịp thời các khoản thu theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. Tiến hành rà soát đánh giá lại các khoản thu, làm rõ những khoản thuế còn thất thu, các nguồn thu mới

đưa vào quản lý, xử lý các khoản nợ đọng theo quy định của pháp luật, tích cực phối hợp với các cơ quan tổng hợp, các cơ quan trong hệ thống, các chủ đầu tư để nắm bắt tình hình thanh toán của các doanh nghiệp, có biện pháp thu nợ kịp thời và xử lý dứt điểm các khoản nợ thuế, nợ khó thu, nợ chờ xử lý. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao sự hiểu biết và tính tuân thủ, tự giác trong việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về thuế.

- Tăng cường thực hiện giải ngân vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác năm 2025 trên địa bàn huyện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Chỉ thị số 2384/CT-UBND ngày 29/5/2024 tạo nguồn thu từ hoạt động đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước và các nguồn vốn khác;

- Tăng cường công tác quản lý tài sản công, quản lý sử dụng đất từ khâu quy hoạch sử dụng đất, đấu giá, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... để quản lý và thu ngân sách đầy đủ, kịp thời theo đúng chế độ quy định;

- Chỉ đạo Chi cục Thuế khu vực Tuần Giáo - Tòa Chùa phối hợp chặt chẽ với phòng, ban chuyên môn trong công tác quản lý thu thuế; chỉ đạo quản lý thu thuế đối với công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác; Tăng cường việc kê khai, nộp thuế tài nguyên, phí Bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, Hội đồng tư vấn thuế phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế trong công tác quản lý người nộp thuế, quản lý doanh thu, mức thuế của người nộp thuế nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thất thu về hộ kinh doanh, về thu tính thuế, đảm bảo công bằng về thuế.

- Đối với khoản nợ thuế: Tiếp tục thực hiện Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 và Nghị quyết số 94/2019/QH14; Thực hiện tập trung rà soát, phân loại đối tượng và các khoản tiền nợ, tiền chậm nộp, tiền phạt chậm nộp làm cơ sở đôn đốc thu tiền thuế nợ;

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các nguồn vốn đầu tư để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn, tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Thực hiện các quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh thuận lợi và hiệu quả.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện phối hợp với Kho bạc Nhà nước huyện tiếp tục đôn đốc, thu nộp kịp thời các khoản thu hồi theo Kết luận Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán theo đúng quy định. Tăng cường, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các xã trong việc hạch toán, thu nộp các khoản thu phạt, tịch thu; các khoản thu phí, lệ phí; các khoản thu phạt VPHC... theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán NNNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN; Công văn số 3409/KBNN-KTNN ngày 21/6/2024 của Kho bạc Nhà nước về việc hướng dẫn hạch toán mã cơ quan thu.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

1. Nhiệm vụ chi đầu tư

- Thực hiện theo Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước. Đảm bảo đúng quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Tập trung phân bổ vốn cho các công trình dự án tiếp chi, các công trình đã có khối lượng để tránh nợ đọng khối lượng XDCB, hạn chế việc hủy bỏ vốn đảm bảo theo quy định;

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng các công trình, đôn đốc các chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư, nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện thi công và giải ngân các dự án đảm bảo đúng kế hoạch; kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân của từng dự án, coi đây là căn cứ quan trọng khi đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao năm 2025 của tập thể, cá nhân;

- Đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trên địa bàn thực hiện án án trong tổ chức công bố quy hoạch, cấm mốc phạm vi bồi thường, giải phóng mặt bằng; tính toán đầy đủ các hạng mục công trình tránh xảy ra vướng mắc và phát sinh trong quá trình thực hiện; đề nghị các tổ chức chính trị xã hội tham gia tuyên truyền vận động nhân dân trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư công;

- Đẩy mạnh công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công trình dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công; tăng cường giám sát việc chấp hành các quy định trong quản lý, giải ngân vốn đầu tư công;

- Tăng cường công tác quản lý giá, kiểm soát việc đăng ký giá, kê khai giá và công bố giá vật liệu xây dựng đảm bảo sát với tình hình thực tế, tránh lãng phí trong công tác quản lý chi phí của các dự án đầu tư.

2. Nhiệm vụ chi thường xuyên

- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện dự toán chi đúng chế độ chính sách trên tinh thần tiết kiệm, thực hiện các mục tiêu kiềm chế lạm phát, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong chi tiêu công quỹ, kiểm soát chi chặt chẽ, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Căn cứ dự toán HĐND huyện giao, các cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng, nâng cao hiệu quả tiết kiệm chi ngân sách;

- Đối với chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định hiện hành;

- Giảm tối đa tổ chức các hoạt động không cần thiết, tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, thực hiện công khai trong mua sắm tài sản; công khai trong quản lý, sử dụng tài sản công;

- Đối với kinh phí dự phòng ngân sách đã được UBND huyện giao, các xã, thị trấn chủ động thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh... theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

- Việc điều chỉnh dự toán thực hiện theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật Ngân sách Nhà nước;

- Việc thực hiện cấp phát bằng hình thức lệnh chi tiền: Được áp dụng đối với các nhiệm vụ và theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính;

- Thực hiện tốt việc công khai dự toán 2025 và quyết toán thu, chi ngân sách năm 2024 ở các cấp ngân sách và tất cả các đơn vị dự toán theo đúng quy định về thời gian, nội dung theo quy định hiện hành;

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách, thực hiện tốt công tác thanh kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đối với các đơn vị dự toán; Các đơn vị dự toán chấp hành nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách theo quy định.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 của UBND huyện Tòa Chùa./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện uỷ (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy viên UBND huyện;
- Các ĐB HĐND tỉnh ứng cử tại Tòa Chùa;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, Lãnh đạo UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lường Tuấn Anh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao 2024	Thực hiện năm 2023	Thực hiện 15/11/ 2024	Ước thực hiện năm 2024	So sánh (%)		
						TH/DT	Ước thực hiện năm 2024 so với Dự toán giao 2024	Ước thực hiện năm 2024 so với năm 2023
A	B	1	2	4	5	6=4/1	7=5/1	8=5/2
	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	748.981	751.193	882.616	895.794	118%	120%	119%
	NGÂN SÁCH ĐP HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	747.081	749.293	880.732	893.533	118%	120%	119%
I	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	17.330	25.393	24.167	25.041	139%	144%	99%
*	<i>Thu ngân sách huyện, xã hưởng</i>	<i>15.430</i>	<i>23.493</i>	<i>22.282</i>	<i>22.780</i>	<i>144%</i>	<i>148%</i>	<i>97%</i>
1	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh	8.710,0	9.409	12.414	12.529	143%	144%	133%
-	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>4.800</i>	<i>6.526</i>	<i>6.832</i>	<i>6.900</i>	<i>142%</i>	<i>144%</i>	<i>106%</i>
-	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>210</i>	<i>205</i>	<i>317</i>	<i>320</i>	<i>151%</i>	<i>152%</i>	<i>156%</i>
-	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>		<i>4</i>	<i>8</i>	<i>9</i>			
-	<i>Thuế tài nguyên</i>	<i>3.700</i>	<i>2.675</i>	<i>5.257</i>	<i>5.300</i>	<i>142%</i>	<i>143%</i>	<i>198%</i>
2	Lệ phí trước bạ	2.520	3.005	3.011	3.100	120%	123%	103%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50	71	38	50	76%	100%	71%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.310	1.477	1.482	1.490	113%	114%	101%
5	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	700	628	1.465	1.465	209%	209%	233%
-	<i>Cơ quan trung ương cấp phép</i>	<i>500</i>	<i>450</i>	<i>1.247</i>	<i>1.247</i>	<i>249%</i>	<i>249%</i>	<i>277%</i>
	<i>Trong đó: + TW hưởng (70%)</i>	<i>350</i>	<i>314</i>	<i>504</i>	<i>504</i>	<i>144%</i>	<i>144%</i>	<i>161%</i>
	<i>+ Địa phương hưởng (30%)</i>	<i>150</i>	<i>136</i>	<i>743</i>	<i>743</i>	<i>495%</i>	<i>495%</i>	<i>545%</i>
-	<i>Cơ quan địa phương cấp phép</i>	<i>200</i>	<i>178</i>	<i>218</i>	<i>218</i>	<i>109%</i>	<i>109%</i>	<i>123%</i>
6	Thu phí, lệ phí	720	711	1.142	1.201	159%	167%	169%
-	<i>NSTW hưởng</i>		<i>55</i>	<i>151</i>	<i>151</i>			<i>274%</i>
-	<i>NS huyện hưởng</i>	<i>370</i>	<i>414</i>	<i>435</i>	<i>450</i>	<i>117%</i>	<i>122%</i>	<i>109%</i>
-	<i>NS xã hưởng</i>	<i>350</i>	<i>241</i>	<i>556</i>	<i>600</i>	<i>159%</i>	<i>171%</i>	<i>249%</i>
7	Thu tiền sử dụng đất	500	695	916	1.000	183%	200%	144%
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	700	7.031	904	904	129%	129%	13%
9	Thu khác ngân sách	2.120	2.351	2.767	3.276	131%	155%	139%
-	<i>Thu ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>1.550</i>	<i>1.531</i>	<i>1.173</i>	<i>1.550</i>	<i>76%</i>	<i>100%</i>	<i>101%</i>
-	<i>Thu ngân sách tỉnh hưởng</i>			<i>56</i>	<i>56</i>			
-	<i>Ngân sách huyện hưởng</i>	<i>400</i>	<i>610</i>	<i>1.427</i>	<i>1.500</i>	<i>357%</i>	<i>375%</i>	<i>246%</i>
	<i>Ngân sách xã hưởng</i>	<i>170</i>	<i>210</i>	<i>111</i>	<i>170</i>	<i>65%</i>	<i>100%</i>	<i>81%</i>
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		15	26	26			<i>171%</i>
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	731.651	659.560	780.272	792.576	107%	108%	120%
1	Bổ sung cân đối	582.036	494.512	582.036	582.036	100%	100%	118%
2	Bổ sung có mục tiêu	149.615	165.048	198.236	210.540	132%	141%	128%
III	Thu chuyển nguồn ngân sách		65.892	73.163	73.163			111%
IV	Thu kết dư ngân sách		301	5.014	5.014			1666%
V	Thu ngân sách cấp dưới nộp trả		47					

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	NỘI DUNG	Dự toán huyện giao	Thực hiện năm 2023	Thực hiện 15/ 11/2024	Ước thực hiện năm 2024	Tỷ lệ so sánh		
						TH/DT	ƯTH/DT	TH/ Năm trước
A	B	1	2	3	4	4=3/1	6=4/1	5=4/2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	747.081	744.279	588.360	893.533	79%	120%	120%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	597.466	563.042	481.211	659.891	81%	110%	117%
1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	18.459	21.535	6.770	19.158	37%	104%	89%
-	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	18.009	20.836	6.071	18.009	34%	100%	86%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	450			450	0%	100%	
-	Ghi thu bồi thường, giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền thuê đất		699	699	699			
2	Chi thường xuyên	561.244	541.507	474.441	640.733	85%	114%	118%
-	Chi quốc phòng	10.595	10.597	13.845	18.491	131%	175%	174%
-	Chi an ninh	6.808	5.896	6.587	8.508	97%	125%	144%
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	355.542	328.483	294.599	395.095	83%	111%	120%
-	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	450	522	529	529	118%	118%	101%
-	Chi sự nghiệp Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình	7.956	6.279	8.532	9.084	107%	114%	145%
-	Chi sự nghiệp môi trường	2.500	2.600	1.404	2.500	56%	100%	96%
-	Chi đảm bảo xã hội	28.934	30.607	26.308	36.360	91%	126%	119%
-	Chi sự nghiệp kinh tế	38.839	47.753	28.353	48.289	73%	124%	101%
-	Chi quản lý hành chính	108.785	108.136	93.482	121.042	86%	111%	112%
-	Hỗ trợ các đơn vị (Chi cục thi hành án; Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH)	835	635	800	835	96%	100%	131%
3	Chi từ nguồn tăng thu trên địa bàn	730			730	0%	100%	
4	Dự phòng ngân sách (không cộng lên tổng số TH)	11.935		11.935,0	11.935	100%	100%	
5	Chi khác ngân sách (không cộng lên tổng số TH)	4.025		2.100	4.025	52%	100%	
6	Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL (không cộng lên tổng số TH)	1.073			1.073	0%	100%	
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	149.129	97.724	107.058	233.156	72%	156%	239%
I	CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	54.750	32.496	37.031	72.816	68%	133%	224%
1	VỐN ĐẦU TƯ	19.500	7.592	11.445	22.967	59%	118%	303%
	Đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo	19.500	7.592	11.445	22.967	59%	118%	303%
2	VỐN SỰ NGHIỆP	35.250	24.904	25.586	49.849	73%	141%	200%
-	Dự án 1: HT đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	11.054	4.197	2.163	19.142	20%	173%	456%
-	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	8.004	6.311	10.582	12.252	132%	153%	194%
-	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	5.146	4.543	5.380	6.709	105%	130%	148%
-	Dự án 4: Phát triển giáo dục, việc làm bền vững	798		138	799	17%	100%	
-	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo	7.740	7.360	6.464	7.740	84%	100%	105%
-	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	1.488	1.334		2.041	0%	137%	153%
-	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	1.020	1.158	859	1.166	84%	114%	101%
II	CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	6.830	19.976	6.198	8.966	91%	131%	45%
1	VỐN ĐẦU TƯ	4.690	17.736	5.764	5.953	123%	127%	34%
	Đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo	4.690	17.736	5.764	5.953	123%	127%	34%
2	VỐN SỰ NGHIỆP	2.140	2.239	434	3.013	20%	141%	135%
-	Hỗ trợ theo hệ số phân bổ	70	773		77	0%	110%	10%
-	Nội dung thành phần số 03	700	462	72	1.561	10%	223%	338%
+	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp				30			
+	Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền	300	400	72	693	24%	231%	173%
+	Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	400	62		838	0%	209%	1344%
-	Nội dung thành phần số 06	230	622	81	210	35%	91%	34%

	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức công đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi)	230	622	81	210	35%	91%	34%
-	Nội dung thành phần số 07	650	-	150	650	23%	100%	
+	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	500			500	0%	100%	
+	Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”	150		150	150	100%	100%	
-	Nội dung thành phần số 08	-	198	-	-			0%
	Nội dung 1: Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế xã hội chuyên sâu, chuyên đổi tư duy về PTKT nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM		198					
-	Nội dung thành phần số 09	300	-	72	300	24%	100%	
+	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp	100			100	0%	100%	
+	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”	100			100	0%	100%	
+	Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM	100		72	100	72%	100%	
-	Nội dung thành phần số 11	190	184	59	216	31%	114%	117%
+	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	140	184	59	166	42%	118%	90%
+	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyên đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM	50			50	0%	100%	
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	87.549	45.252	63.829	151.374	73%	173%	335%
1	VỐN ĐẦU TƯ	42.953	13.748	31.535	85.253	73%	198%	620%
	Đầu tư cơ sở huyện nghèo	42.953	13.748	31.535	85.253	73%	198%	620%
2	VỐN SỰ NGHIỆP	44.596	31.504	32.294	66.122	72%	148%	210%
-	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt	7.007	5.085	1.373	7.161	20%	102%	
-	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	22.668	13.978	24.819	31.774	109%	140%	227%
-	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực	3.944	3.362	2.410	12.247	61%	311%	364%
-	Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn lực	4.883	4.187	1.090	6.409	22%	131%	153%
-	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (sự nghiệp văn hóa thông tin)	1.832	1.304	415	1.958	23%	107%	150%
-	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.869	2.175	711	2.914	38%	156%	134%
-	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	733	718	226	1.064	31%	145%	148%
-	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN, kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	1.660	695	1.251	2.596	75%	156%	374%
C	CHI THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHÁC	486	411	92	486	19%	100%	118%
I	VỐN SỰ NGHIỆP	486	411	92	486	19%	100%	118%
1	Kinh phí quản lý bảo trì đường bộ		235		-			
2	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	394	162		394	0%	100%	243%
3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	92	14	92	92	100%	100%	657%
D	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		9.939		-			0%
E	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH		73.163					0%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024			Thực hiện đến ngày 15 /11/2024				Ước thực hiện cả năm 2024				So sánh (%) TH			So sánh (%) Ước TH		
		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm	
			Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn		Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn		Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên
A	B	1=2+3	2	3	4= 5+6+7	5	6	7	8	9	10	11	12=4/1	13=5/2	14=6/3	15=8/1	16=9/2	15=10/3
	Tổng số	134.864	810	134.054	121.400	1.039	103.325	17.037	166.127	1.150	147.941	17.037	90%	128%	77%	123%	142%	110%
1	UBND Thị trấn Tủa chùa	13.215	500	12.715	11.093	835	9.500	758	14.816	840	13.218	758	84%	167%	75%	112%	168%	104%
2	UBND xã Mường Báng	12.047	30	12.017	11.625	20	11.350	256	17.303	30	17.017	256	96%	66%	94%	144%	100%	142%
3	UBND xã Xá Nhè	13.333	50	13.283	12.785	31	10.021	2.733	16.866	50	14.083	2.733	96%	62%	75%	127%	100%	106%
4	UBND xã Mường Đun	10.440	22	10.418	8.815	22	8.485	308	13.998	22	13.668	308	84%	102%	81%	134%	100%	131%
5	UBND xã Tủa Thàng	10.988	22	10.966	12.151	9	9.522	2.619	14.207	22	11.566	2.619	111%	42%	87%	129%	100%	105%
6	UBND xã Huổi Sớ	9.312	22	9.290	8.117	8	7.577	531	10.377	22	9.824	531	87%	38%	82%	111%	100%	106%
7	UBND xã Sính Phình	13.153	25	13.128	12.916	23	10.231	2.662	16.415	25	13.728	2.662	98%	90%	78%	125%	100%	105%
8	UBND xã Tả Phìn	10.614	22	10.592	10.410	20	9.000	1.390	12.604	22	11.192	1.390	98%	89%	85%	119%	100%	106%
9	UBND xã Trung Thu	9.903	20	9.883	9.712	15	7.396	2.301	12.704	20	10.383	2.301	98%	74%	75%	128%	100%	105%
10	UBND xã Tả Sin Thàng	9.857	50	9.807	8.358	36	7.070	1.252	11.709	50	10.407	1.252	85%	72%	72%	119%	100%	106%
11	UBND xã Lao Xả Phình	10.043	20	10.023	6.399	6	6.000	394	10.837	20	10.423	394	64%	28%	60%	108%	100%	104%
12	UBND xã Sin Chải	11.960	27	11.933	9.020	15	7.173	1.832	14.292	27	12.433	1.832	75%	54%	60%	120%	100%	104%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024			Thực hiện đến ngày 15 /11/2024			Ước thực hiện cả năm 2024			So sánh (%) Thực hiện			So sánh (%) ước thực hiện		
		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm	
			Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	7=4/1	8=5/2	9=6/3	13=7/1	14=8/2	15=9/3
	Tổng số	134.054	78.013	56.041	106.620	63.317	43.303	166.127	80.026	86.101	80%	81%	77%	124%	103%	154%
1	UBND Thị trấn Tủa chùa	12.715	10.051	2.664	8.786	6.841	1.946	14.816	11.019	3.797	69%	68%	73%	117%	110%	143%
2	UBND xã Mường Báng	12.017	6.880	5.137	10.500	6.413	4.087	17.303	6.979	10.324	87%	93%	80%	144%	101%	201%
3	UBND xã Xá Nhè	13.283	7.005	6.278	11.844	5.589	6.255	16.866	7.126	9.740	89%	80%	100%	127%	102%	155%
4	UBND xã Mường Đun	10.418	5.998	4.420	8.249	5.074	3.175	13.998	6.067	7.931	79%	85%	72%	134%	101%	179%
5	UBND xã Tủa Thàng	10.966	6.168	4.798	10.751	4.903	5.847	14.207	6.243	7.964	98%	80%	122%	130%	101%	166%
6	UBND xã Huổi Sỏ	9.290	5.442	3.848	7.012	4.619	2.393	10.377	5.517	4.860	75%	85%	62%	112%	101%	126%
7	UBND xã Sính Phình	13.128	6.845	6.283	9.416	5.969	3.447	16.415	6.897	9.518	72%	87%	55%	125%	101%	151%
8	UBND xã Tả Phìn	10.592	6.166	4.426	9.121	5.482	3.639	12.604	6.281	6.323	86%	89%	82%	119%	102%	143%
9	UBND xã Trung Thu	9.883	5.714	4.169	9.109	4.415	4.694	12.704	5.882	6.822	92%	77%	113%	129%	103%	164%
10	UBND xã Tả Sin Thàng	9.807	5.673	4.134	7.655	4.503	3.152	11.709	5.779	5.930	78%	79%	76%	119%	102%	143%
11	UBND xã Lao Xả Phình	10.023	5.598	4.425	6.394	4.153	2.241	10.837	5.710	5.127	64%	74%	51%	108%	102%	116%
12	UBND xã Sín Chải	11.933	6.474	5.459	7.782	5.356	2.427	14.292	6.526	7.766	65%	83%	44%	120%	101%	142%

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAO THU NGÂN SÁCH CỦA CÁC ĐƠN VỊ,
UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2024**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	NỘI DUNG	Dự toán giao	Thực hiện 15/11/2024	Tỷ lệ TH/DT
1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	100	434	434%
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2	11	550%
	Lệ phí xây dựng, thu khác	2	11	550%
3	Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình	40	41	103%
	Phí Hàng động xã Xá Nhè	40	41	103%
4	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	25	21	84%
	Phí giết mổ gia súc, phí khác	25	21	84%
5	Công an huyện	1.450	1.441	99%
	Thu phạt vi phạm hành chính, tịch thu khác, phí an toàn giao thông	1.450	1.441	99%
6	UBND Thị trấn	500	835	167%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	500	835	167%
7	UBND xã Mường Báng	30	20	66%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	30	20	66%
8	UBND xã Xá Nhè	50	31	62%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	50	31	62%
9	UBND xã Mường Đun	22	22	102%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22	22	102%
10	UBND xã Tủa Thành	22	9	42%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22	9	42%
11	UBND xã Huổi Sớ	22	8	38%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22	8	38%
12	UBND xã Sính Phình	25	23	90%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	25	23	90%
13	UBND xã Tả Phìn	22	20	89%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22	20	89%
14	UBND xã Trung Thu	20	15	74%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	20	15	74%
15	UBND xã Tả Sìn Thành	50	36	72%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	50	36	72%
16	UBND xã Lao Xả Phình	20	6	28%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	20	6	28%
17	UBND xã Sín Chải	27	15	54%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	27	15	54%
	TỔNG CỘNG	2.427	2.986	123%

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2025

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

	NỘI DUNG	Dự toán tỉnh giao	Dự toán huyện giao	Tỷ lệ % T/H
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	758.750	759.950	100,2%
	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	756.850	757.915	100,1%
A	THU NNNS TRÊN ĐỊA BÀN	18.500	19.700	106,5%
-	<i>Thu trên địa bàn huyện và xã hưởng</i>	<i>16.600</i>	<i>17.665</i>	<i>106,4%</i>
+	Ngân sách huyện hưởng	15.690	16.495	105,1%
+	Ngân sách xã hưởng	910	1.170	128,6%
-	<i>Ngân sách Trung ương hưởng</i>	<i>1.900</i>	<i>2.035</i>	<i>107,1%</i>
1	Thuế ngoài quốc doanh	9.100	9.420	103,5%
-	Thuế giá trị gia tăng huyện hưởng	5.290	5.400	102,1%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp huyện hưởng	300	310	103,3%
-	Thuế tài nguyên huyện hưởng	3.500	3.700	105,7%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	10	10	100,0%
2	Lệ phí trước bạ	2.400	2.510	104,6%
-	Ngân sách huyện hưởng	2.160	2.400	111,1%
-	Ngân sách xã hưởng	240	110	45,8%
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.500	1.600	106,7%
	Ngân sách huyện hưởng	1.500	1.600	106,7%
4	Thu tiền sử dụng đất	500	600	120,0%
	Thu cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn xã (Ngân sách huyện hưởng)	500	600	120,0%
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70	100	142,9%
	Ngân sách xã hưởng	70	100	142,9%
6	Phí và lệ phí	870	1.100	126,4%
-	Phí ngân sách TW hưởng	100	100	100,0%
-	Ngân sách huyện hưởng	420	450	107,1%
-	Ngân sách xã hưởng	350	550	157,1%
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	900	900	100,0%
8	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	950	950	100,0%
-	Cơ quan trung ương cấp phép	250	250	100,0%
	<i>Trong đó: +Trung ương hưởng (70%)</i>	<i>175</i>	<i>175</i>	<i>100,0%</i>
	<i>+ Địa phương hưởng (30%)</i>	<i>75</i>	<i>75</i>	<i>100,0%</i>
-	Cơ quan địa phương cấp phép	700	700	100,0%
9	Thu khác ngân sách	2.200	2.510	114,1%
-	Thu phạt VPHC, tịch thu khác (NSTW, NS tỉnh hưởng)	1.625	1.760	108,3%
-	Ngân sách huyện hưởng	335	350	104,5%
-	Ngân sách xã hưởng	240	400	166,7%
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản ...tại xã	10	10	100,0%
B	Thu bổ sung từ NS cấp trên	740.250	740.250	100,0%
-	Thu trợ cấp cân đối ngân sách	578.634	578.634	100,0%
-	Thu bổ sung cải cách tiền lương	161.395	161.395	100,0%
-	Trợ cấp có mục tiêu, nhiệm vụ khác	221	221	100,0%

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	747.081	893.533	757.915	-135.618	85%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	15.430	22.780	17.665	-5.115	78%
	Thu NSDP hưởng 100%	15.430	22.780	17.665	-5.115	78%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	731.651	792.576	740.250	-52.326	93%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	582.036	582.036	740.029	157.993	127%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	149.615	210.540	221	-210.319	0%
III	Thu chuyên nguồn từ năm trước chuyển sang		73.163			0%
IV	Thu kết dư ngân sách		5.014		-5.014	
IV	Thu từ ngân sách cấp dưới		0		0	
B	TỔNG CHI NSDP	747.081	893.533	757.915	-135.618	85%
I	Tổng chi cân đối NSDP	597.466	659.891	757.694	97.803	115%
1	Chi đầu tư phát triển	18.459	19.158	19.518	360	102%
2	Chi thường xuyên	579.007	640.733	723.043,0	82.310	113%
3	Chi dự phòng ngân sách			15.133		
II	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	149.129	233.156	0	0	0%
1	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	54.750	72.816	0	0	0%
-	Vốn đầu tư	19.500	22.967	0		0%
-	Vốn sự nghiệp	35.250	49.849	0		0%
2	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	6.830	8.966	0		0%
-	Vốn đầu tư	4.690	5.953	0		
-	Vốn sự nghiệp	2.140	3.013	0		0%
3	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	87.549	151.374	0		0%
-	Vốn đầu tư	42.953	85.253	0		0%
	Vốn sự nghiệp	44.596	66.122	0		0%
III	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	486	486	221	-	45%
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	92	92	96		104%
2	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	394	394	125		
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên					

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2024		Dự toán năm 2025		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	25.041	22.780	19.700	17.765	79%	78%
I	Thu nội địa	25.041	22.780	19.700	17.765	79%	78%
1	Thu từ khu vực DNNN do ĐP quản lý	0	0	0	0		
	Thuế tài nguyên						
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	12.529	12.529	9.420	9.420	75%	75%
	- Thuế giá trị gia tăng	6.900	6.900	5.400	5.400	78%	78%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	320	320	310	310	97%	97%
	- Thuế tài nguyên	5.300	5.300	3.700	3.700	70%	70%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	9	9	10	10		
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.490	1.490	1.600	1.600	107%	107%
4	Lệ phí trước bạ	3.100	3.100	2.510	2.510	81%	81%
5	Thu phí, lệ phí	1.201	1.050	1.100	1.100	92%	105%
	Trong đó Trung ương hưởng	151				0%	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50	50	100	100		
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	904	904	900	900		
8	Thu tiền sử dụng đất	1.000	1.000	600	600	60%	60%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.465	961	950	775	65%	81%
	- Cơ quan trung ương cấp phép	1.247	743	250	75		
	Trong đó: +Trung ương hưởng (70%)	504		175			
	+ Địa phương hưởng (30%)	743	743	75	75		
	- Cơ quan địa phương cấp phép	218	218	700	700		
10	Thu khác ngân sách	3.276	1.670	2.510	750	77%	45%
	Trong đó: - Thu phạt VPHC, tịch thu khác (NSTW, NS tỉnh hưởng)	1.606		1.760		110%	
	- Thu khác còn lại (thu cân đối)	1.670	1.670	750	750	45%	45%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	26	26	10	10		
II	Thu hải quan						
III	Thu viện trợ						

Biểu mẫu số 17 - ND 31/2017/ND-CP

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)
Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Dự toán năm 2025	So sánh	
				Tuyệt đối	Trong đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	747.081	757.915	10.834	101%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	597.466	757.694	160.228	127%
I	Chi đầu tư phát triển	18.459	19.518	1.059	106%
1	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	450	450,0	0	100%
2	Chi đầu tư xây dựng vốn cơ bản trong nước	18.009	18.369,0	360	102%
3	Chi đầu tư phát triển khác	0	699,0		
II	Chi thường xuyên	567.072	723.043	155.971	128%
	Trong đó:				
1	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	355.542	477.817	122.275	134%
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	450	450,0	0	100%
III	Dự phòng ngân sách	11.935	15.133,0	3.198	127%
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	149.615	221	-149.394	0%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	149.129	0	-149.129	0%
1	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	54.750	0,0		0%
-	Vốn đầu tư	19.500	0,0	-19.500	0%
-	Vốn sự nghiệp	35.250	0,0		0%
2	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	6.830	0,0	-6.830	0%
-	Vốn đầu tư	4.690	0,0		
-	Vốn sự nghiệp	2.140	0,0	0	0%
3	Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	87.549	0,0		0%
-	Vốn đầu tư	42.953	0,0		
-	Vốn sự nghiệp	44.596	0,0		0%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	486	221	-265	45%
1	KP thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	92	96,0	4	104%
3	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	394	125,0	-269	32%
C	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH				
D	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH				

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tòa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	747.081	893.533	146.452	120
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	15.430	22.780	7.350	148
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	731.651	792.576	60.925	108
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	582.036	582.036	0	100
-	Thu bổ sung có mục tiêu	149.615	210.540	60.925	141
3	Thu kết dư		5.014	5.014	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		73.163	73.163	
II	Chi ngân sách	747.081	893.533	146.452	120
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	613.028	727.406	114.378	119
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	134.054	166.127	32.074	124
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	78.013	80.026	2.013	103
-	Chi bổ sung có mục tiêu	56.041	86.101	30.060	154
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP				
B	NGÂN SÁCH XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	134.864	166.127	49.450	123
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	810	1.150	340	142
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	134.054	147.941	32.074	110
3	Thu kết dư			0	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		17.037	17.037	
II	Chi ngân sách	134.864	166.127	31.264	123
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	134.864	166.127	31.264	123
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau			0	

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG XÃ NĂM 2024

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024				Ước thực hiện năm 2024				So sánh (%)			
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
			Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10=6/2	11=7/3	12=8/4
	TỔNG SỐ	810	810	0	0	1.150	1.150	0	0	142	142		
1	UBND Thị trấn Tủa chùa	500	500			840	840			168	168		
2	UBND xã Mường Báng	30	30			30	30			100	100		
3	UBND xã Xá Nhè	50	50			50	50			100	100		
4	UBND xã Mường Đùn	22	22			22	22			100	100		
5	UBND xã Tủa Thàng	22	22			22	22			100	100		
6	UBND xã Huổi Sớ	22	22			22	22			100	100		
7	UBND xã Sính Phình	25	25			25	25			100	100		
8	UBND xã Tả Phìn	22	22			22	22			100	100		
9	UBND xã Trung Thu	20	20			20	20			100	100		
10	UBND xã Tả Sìn Thàng	50	50			50	50			100	100		
11	UBND xã Lao Xá Phình	20	20			20	20			100	100		
12	UBND xã Sín Chải	27	27			27	27			100	100		

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2024	Bao gồm		Ước thực hiện năm 2024	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSDP	746.008	603.629	142.380	893.533	727.405	166.128	120	121	117
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	596.393	516.753	79.641	659.891	579.865	80.026	111	112	100
I	Chi đầu tư phát triển	18.459	18.459	0	19.158	19.158	0	104	104	
1	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	18.009	18.009		18.009	18.009		100	100	
2	Ghi thu bồi thường, giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền thuê đất	0			699	699				
3	Chi đầu tư phát triển khác	450	450		450	450		100	100	
II	Chi thường xuyên	565.999	487.952	78.048	628.798	550.365	78.433	111	113	100
	Trong đó:				0					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	349.159	349.159		395.095	395.095		113	113	
2	Chi khoa học và công nghệ	450	450		450	450		100	100	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0			0					
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0			0					
V	Dự phòng ngân sách	11.935	10.342	1.593	11.935	10.342	1.593	100	100	100
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	149.615	86.876	62.739	233.642	147.540	86.102	156	170	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	149.129	86.390	62.739	233.156	147.054	86.102	156	170	137
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	54.750	24.104	30.646	72.816	28.125	44.691	133	117	146
1.1	Vốn đầu tư	19.500	19.500	0	22.967	22.967	0	118	118	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo	19.500	19.500		22.967	22.967				
1.2	Vốn sự nghiệp	35.250	4.604	30.646	49.849	5.158	44.691	141	112	146
-	Dự án 1: HT đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	11.054		11.054	19.142		19.142	173		173
-	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	8.004		8.004	12.252		12.252	153		153
-	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	5.146	1.418	3.728	6.709	1.418	5.291	130	100	142
-	Dự án 4: Phát triển giáo dục, việc làm bền vững	798	798		799	799		100	100	
-	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo	7.740		7.740	7.740		7.740	100		100
-	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	1.488	1.488		2.041	2.041		137	137	
-	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	1.020	900	120	1.166	900	266	114	100	221
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới	6.830	6.420	410	8.966	8.579	387	131	134	94
2.1	Vốn đầu tư	4.690	4.690	0	5.953	5.953	0	127	127	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo	4.690	4.690	0	5.953	5.953	0			
2.2	Vốn sự nghiệp	2.140	1.730	410	3.013	2.627	387	141	152	94
-	Hỗ trợ theo hệ số phân bổ	70		70	77		77			
-	Nội dung thành phần số 03	700	700	0	1.561	1.561	0			
+	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp	0			30	30				
+	Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền	300	300		693	693				

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2024	Bao gồm		Ước thực hiện năm 2024	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
+	Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	400	400		838	838				
-	Nội dung thành phần số 06	230	0	230	210	10	200			
	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi)	230		230	210	10	200			
-	Nội dung thành phần số 07	650	650	0	650	650	0			
+	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam;tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	500	500		500	500				
+	Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”	150	150		150	150				
-	Nội dung thành phần số 08	0	0	0	0	0	0			
	Nội dung 1: Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về PTKT nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM	0			0					
-	Nội dung thành phần số 09	300	300	0	300	300	0			
+	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp	100	100		100	100				
+	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”	100	100		100	100				
+	Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM	100	100		100	100				
-	Nội dung thành phần số 11	190	80	110	216	106	110			
+	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	140	30	110	166	56	110			
+	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM	50	50		50	50				
3	Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH vùng ĐBDTTS	87.549	55.866	31.683	151.374	110.350	41.024	173	198	129
3.1	Vốn đầu tư	42.953	42.953	0	85.253	85.253	0	198	198	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo	42.953	42.953	0	85.253	85.253	0			
3.2	Vốn sự nghiệp	44.596	12.913	31.683	66.122	25.097	41.024	148	194	129
-	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt	7.007		7.007	7.161		7.161	102		102
-	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	0			0					
-	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	22.668	8.000	14.668	31.774	11.712	20.061	140	146	137
-	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực	8.644		8.644	12.247		12.247	142		142
-	Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn lực	183	183		6.409	6.409		3.502	3.502	
-	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (sự nghiệp văn hóa thông tin)	1.832	1.832		1.958	1.958		107	107	

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2024	Bao gồm		Ước thực hiện năm 2024	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
-	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.869	950	919	2.914	1.820	1.094	156	192	119
-	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	733	408	325	1.064	723	341	145	177	105
-	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN, kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	1.660	1.540	120	2.596	2.476	120	156	161	100
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	486	486	0	486	486	0	100	100	
1	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	394	394		394	394		100	100	
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	92	92		92	92		100	100	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0			0					

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	747.081	893.533	86.390	158,16
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)	142.380	166.128		156,96
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	604.702	727.406	86.390	1,20
I	Chi đầu tư phát triển	85.602	133.330	0	155,76
1	Chi đầu tư cho các dự án	85.152	132.880	0	156,05
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.900	1.900		
-	Chi khoa học và công nghệ		0		
-	Chi quốc phòng	1.010	1.010		
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		0		
-	Chi y tế, dân số và gia đình	500	500		
-	Chi văn hóa thông tin		0		
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		0		
-	Chi thể dục thể thao	5.133	5.133		
-	Chi bảo vệ môi trường		0		
-	Chi các hoạt động kinh tế	75.714	123.442		
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	895	895		
-	Chi bảo đảm xã hội		0		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	450	450	0	100,00
II	Chi thường xuyên	507.685	594.075	86.390	117,02
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	356.340	402.303	45.963	112,90
-	Chi khoa học và công nghệ (2)	450	529	79	117,56
-	Chi quốc phòng	4.280	8.750	4.470	204,44
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	3.600	4.250	650	118,06
-	Chi y tế, dân số và gia đình	1.418	1.418	0	100,00
-	Chi văn hóa thông tin	3.353	4.136	783	123,35
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	3.380	3.639	259	107,66
-	Chi thể dục thể thao	1.223	1.309	86	107,04
-	Chi bảo vệ môi trường	250	250	0	100,00
-	Chi các hoạt động kinh tế	58.753	68.972	10.218	117,39
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	45.489	58.605	13.115	128,83
-	Chi bảo đảm xã hội	28.313	39.080	10.767	138,03
-	Chi thường xuyên khác	835	835	0	100,00
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	10.342			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.073			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO CÁC ĐƠN VỊ
THEO LĨNH VỰC NĂM 2024**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	166.127	-	80.026	-	-	86.101	-	86.101	-
1	UBND Thị trấn Tủa chùa	14.816		11.019			3.797		3.797	
2	UBND xã Mường Báng	17.303		6.979			10.324		10.324	
3	UBND xã Xá Nhè	16.866		7.126			9.740		9.740	
4	UBND xã Mường Đùn	13.998		6.067			7.931		7.931	
5	UBND xã Tủa Thàng	14.207		6.243			7.964		7.964	
6	UBND xã Huổi Sớ	10.377		5.517			4.860		4.860	
7	UBND xã Sính Phình	16.415		6.897			9.518		9.518	
8	UBND xã Tả Phìn	12.604		6.281			6.323		6.323	
9	UBND xã Trung Thu	12.704		5.882			6.822		6.822	
10	UBND xã Tả Sìn Thàng	11.709		5.779			5.930		5.930	
11	UBND xã Lao Xả Phình	10.837		5.710			5.127		5.127	
12	UBND xã Sín Chải	14.292		6.526			7.766		7.766	

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	132.631	5.633	-	1.010	-	500	2.700	-	5.133	-	116.810	48.513	13.570	395	-	450
1	Ban QLDA và PTQĐ	131.451	5.633		1.010			2.200		5.133		116.730	48.433	13.570	295		450
2	Phòng Tài nguyên và Môi trường	500					500										
3	Trung tâm Văn hóa TTTT huyện	500						500									
4	UBND xã Mường Báng	80										80	80				
5	Văn phòng Huyện ủy	100													100		

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2024
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi NSDP năm 2024									Ước thực hiện chi NSDP năm 2024									So sánh (%)											
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên	Trong đó		Tổng số	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên	Trong đó		Tổng số	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên	Trong đó				
			Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT (nếu có)		Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT (nếu có)	Chi đầu tư từ nguồn thu tiên sử dụng đất		Chi thường xuyên	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		Chi khoa học và công nghệ	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT (nếu có)	Chi đầu tư từ nguồn thu tiên sử dụng đất	Chi thường xuyên		Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ			
																													Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT (nếu có)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=11/1	22=12/2	23=13/3	24=14/4	25=15/5	26=16/6	27=17/7	28=18/8	29=19/9	30=20/10
	TỔNG SỐ	134.054	-	-	-	-	-	-	134.054	360	-	166.127	80	-	-	80	-	-	166.047	360	-	124%						124%			
1	UBND Thị trấn Tủa Chùa	12.715	-						12.715	30		14.816	-						14.816	30		117%							117%		
2	UBND xã Mường Báng	12.017	-						12.017	30		17.303	80			80			17.223	30		144%							143%		
3	UBND xã Xá Nhè	13.283	-						13.283	30		16.866	-						16.866	30		127%							127%		
4	UBND xã Mường Đùn	10.418	-						10.418	30		13.998	-						13.998	30		134%							134%		
5	UBND xã Tủa Thàng	10.966	-						10.966	30		14.207	-						14.207	30		130%							130%		
6	UBND xã Huổi Sớ	9.290	-						9.290	30		10.377	-						10.377	30		112%							112%		
7	UBND xã Sinh Phình	13.128	-						13.128	30		16.415	-						16.415	30		125%							125%		
8	UBND xã Tả Phìn	10.592	-						10.592	30		12.604	-						12.604	30		119%							119%		
9	UBND xã Trung Thu	9.883	-						9.883	30		12.704	-						12.704	30		129%							129%		
10	UBND xã Tả Sin Thàng	9.807	-						9.807	30		11.709	-						11.709	30		119%							119%		
11	UBND xã Lao Xá Phình	10.023	-						10.023	30		10.837	-						10.837	30		108%							108%		
12	UBND xã Sin Chải	11.933	-						11.933	30		14.292	-						14.292	30		120%							120%		

Ghi chú: Chi thường xuyên bao gồm cả chương trình mục tiêu quốc gia.

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH
DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2024**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên quỹ	Số dư nguồn đến ngày 31/12/ 2023 (năm trước)	Kế hoạch năm 2024				Ước thực hiện năm 2024				Số dư nguồn đến 31/12/2024 (năm hiện hành)
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			
A	B	I	2	3	4	5=1+2-4	6	7	8	9=6-8	10= I+6-8
1	Quỹ người nghèo	432,3	465,1		236,0	661,4	252,9		259,8	-6,9	425,4
2	Quỹ khuyến học	227,0	62,6		69,5	220,1	62,6		69,5	-6,9	220,1
3	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	741,5	185,0		134,7	791,8	180,8		134,7	46,0	787,6
4	Quỹ bảo trợ trẻ em	386,0	200,0		215,7	370,4	240,5		215,7	24,8	410,8
5	Quỹ cứu trợ	57,5	325,8		26,0	357,3	568,2		300,0	268,2	325,8
6	Quỹ chữ thập đỏ	150,3	647,9		593,3	204,9	660,0		655,0	5,0	155,3
	Tổng cộng	1.994,8	1.886,3	0,0	1.275,3	2.605,8	1.965,0	0,0	1.634,7	330,2	2.325,0

Biểu mẫu số 29 - ND 31/2017/ND-CP

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2024**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ	65	75	115%
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	<i>Sự nghiệp giáo dục</i>			
-	<i>Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</i>			
2	Sự nghiệp Nông nghiệp	25	30	120%
3	Sự nghiệp văn hóa thông tin	40	45	113%
4	Sự nghiệp phát thanh truyền hình			
5	Sự nghiệp thể dục thể thao			

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu Đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025	So sánh		
					Tuyệt đối	Tương đối (%)	So với dự toán 2024
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2	6=3/1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN						
I	Nguồn thu ngân sách	747.081	893.533	757.915,0	-135.618	85%	101%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	15.430	22.780	17.665,0	-5.115	78%	114%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	731.651	792.576	740.250,0	-52.326	93%	101%
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>582.036</i>	<i>582.036</i>	<i>740.029,0</i>	<i>157.993</i>	<i>127%</i>	<i>127%</i>
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>149.615</i>	<i>210.540</i>	<i>221,0</i>	<i>-210.319</i>	<i>0%</i>	<i>0%</i>
3	Thu từ nguồn năm trước chuyển sang		73.163		-73.163	0%	
4	Thu kết dư		5.014				
4	Thu từ ngân sách cấp dưới		0				
II	Chi ngân sách	591.623	893.533	757.915,0	-135.618	85%	128%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	482.681	727.406	651.579	-75.827	90%	135%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	108.942	166.127	106.336,0	-59.791	64%	98%
B	NGÂN SÁCH CẤP XÃ, THỊ TRẤN						
I	Nguồn thu ngân sách	108.108	166.127	106.336,0	-59.791	64%	98%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	530	1.150	1.170,0	20	102%	221%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	107.578	147.941	105.166,0	-42.775	71%	98%
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>66.878</i>	<i>61.839</i>	<i>105.166,0</i>	<i>43.327</i>	<i>170%</i>	<i>157%</i>
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>40.700</i>	<i>86.101</i>	<i>0,0</i>	<i>-86.101</i>	<i>0%</i>	
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		17.037		-17.037	0%	
II	Chi ngân sách	108.108	166.127	106.336,0	-59.791	64%	98%

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG XÃ NĂM 2025

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu Đồng.

STT	Tên đơn vị	Ước thực hiện năm 2024			Dự toán năm 2025			So sánh (%)		
		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm	
			Thu nội địa	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ hoạt động XNK
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
I	Thu địa bàn cân đối NS	1.150	1.150		1.170	1.170			102%	
1	UBND thị trấn Tủa Chùa	840	840		860	860			102%	
2	UBND xã Mường Báng	30	30		30	30			100%	
3	UBND xã Xá Nhè	50	50		50	50			100%	
4	UBND xã Mường Đun	22	22		22	22			100%	
5	UBND xã Tủa Thành	22	22		22	22			100%	
6	UBND xã Huổi Sớ	22	22		22	22			100%	
7	UBND xã Sín Chải	27	27		27	27			100%	
8	UBND xã Tả Sìn Thành	50	50		50	50			100%	
9	UBND xã Tả Phìn	22	22		22	22			100%	
10	UBND xã Lao Xá Phình	20	20		20	20			100%	
11	UBND xã Trung Thu	20	20		20	20			100%	
12	UBND xã Sính Phình	25	25		25	25			100%	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu nội địa	Trong đó									
				Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	Lệ phí trước bạ	Thuê sử dụng đất phi nông nghiệp	Thuế thu nhập cá nhân	Thu phí và lệ phí	Thu tiền sử dụng đất (bao gồm cả đấu giá)	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt	Thu tiền cho thuê nhà, bán nhà	Thu khác ngân sách	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản
A	B	1	2	4	7	8	9	11	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	1.170	1.170	0	110	100	0	550	0	0	0	400	10
1	UBND thị trấn Tủa chùa	860	860		107	95		485	0			168	5
2	UBND xã Mường Báng	30	30		1	5		3				16	5
3	UBND xã Xá Nhè	50	50		2			10				38	
4	UBND xã Mường Đun	22	22					2				20	
5	UBND xã Tủa Thàng	22	22					10				12	
6	UBND xã Huổi Sớ	22	22					2				20	
7	UBND xã Sín Chải	27	27					2				25	
8	UBND xã Tả Sín Thàng	50	50					12				38	
9	UBND xã Tả Phìn	22	22					8				14	
10	UBND xã Lao Xá Phình	20	20					4				16	
11	UBND xã Trung Thu	20	20					2				18	
12	UBND xã Sính Phình	25	25					10				15	

Biểu mẫu số 33 - ND 31/2017/ND-CP

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	$1=2+3$	2	3
	TỔNG CHI NSĐP	757.915,000	651.579,000	106.336,000
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	757.694,000	651.358,000	106.336,000
I	Chi đầu tư phát triển	19.518,000	19.518,000	0,000
1	Chi đầu tư xây dựng vốn cơ bản trong nước	18.369,000	18.369,000	0,000
2	Chi đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	450,000	450,000	
3	Ghi thu, ghi chi tiền cho thuê đất nhà đầu tư ứng trước GPMP	699,000	699,000	0,000
II	Chi thường xuyên	723.043,000	618.783,000	104.260,000
	Trong đó:			
	- Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	477.817,200	477.457,200	360,000
	- Chi khoa học và công nghệ	700,000	700,000	
III	Dự phòng ngân sách	15.133,000	13.057,000	2.076,000
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	221,000	221,000	0,000
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	0,000	0,000	0,000
1	Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,000	0,000	0,000
-	Vốn đầu tư	0,000	0,000	0,000
	Vốn sự nghiệp	0,000	0,000	0,000
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	0,000	0,000	0,000
-	Vốn đầu tư	0,000	0,000	
-	Vốn sự nghiệp	0,000	0,000	0,000
3	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	0,000	0,000	0,000
-	Vốn đầu tư	0,000	0,000	0,000
-	Vốn sự nghiệp	0,000	0,000	0,000
II	Bổ sung có mục tiêu (kinh phí sự nghiệp)	221,000	221,000	0,000
1	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	125,000	125,000	
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	96,000	96,000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	757.915,0
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	106.336,0
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	651.358,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	651.358,0
1	Chi đầu tư phát triển	19.518,0
-	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	18.369,0
-	Chi đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	450,0
-	Ghi thu, ghi chi tiền cho thuê đất nhà đầu tư ứng trước GPMP	699,0
2	Chi thường xuyên	618.783,0
-	Chi Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	477.457,2
-	Chi khoa học và công nghệ	700,0
-	Chi quốc phòng	3.000,0
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.500,0
-	Chi sự nghiệp Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình	7.994,0
-	Chi bảo vệ môi trường	1.200,0
-	Chi các hoạt động kinh tế	27.147,0
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	60.852,8
-	Chi bảo đảm xã hội	38.097,0
-	Chi các hoạt động khác	835,0
3	Dự phòng ngân sách	13.057,0
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	221,0
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	0,0
1	Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,0
-	Vốn đầu tư	0,0
-	Vốn sự nghiệp	0,0
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	0,0
-	Vốn đầu tư	0,0
-	Vốn sự nghiệp	0,0
3	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	0,0
-	Vốn đầu tư	0,0
-	Vốn sự nghiệp	0,0
II	Bổ sung có mục tiêu (kinh phí sự nghiệp)	221,0
1	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	125,0
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	96,0

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025
 (kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu Đồng.

TT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó		Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững						Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới						Chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác									
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp		
						Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài							
																											Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
A	B	1=2+3	2=5+12	3=8+15	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10	11=12+15	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17	11=12+15	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17	18=19+22	19=20+21	20	21	22=23+24	23	24
	TỔNG SỐ	221	-	221	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Phòng Nông nghiệp và PTNT	125	-	125	-				-	-		-				-			-				-			125				125	125	
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	96	-	96	-																					96				96	96	

Biểu mẫu 40 - ND 31/2017/ND-CP**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

TT	Xã, thị trấn	Chi tiết theo các khoản thu			
		Lệ phí trước bạ nhà đất	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	Thu tiền sử dụng đất (trừ	
				Xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Các phường, thị trấn có đất bị thu hồi (tiền thu về đấu giá đất)
1	UBND thị trấn Tủa Chùa	80	100		20
2	UBND xã Mường Báng	80	100	80	
3	UBND xã Xá Nhè	80	100	80	
4	UBND xã Mường Đùn	80	100	80	
5	UBND xã Tủa Thành	80	100	80	
6	UBND xã Huổi Sớ	80	100	80	
7	UBND xã Sín Chải	80	100	80	
8	UBND xã Tả Sìn Thành	80	100	80	
9	UBND xã Lao Xả Phình	80	100	80	
10	UBND xã Tả Phìn	80	100	80	
11	UBND xã Trung Thu	80	100	80	
12	UBND xã Sính Phình	80	100	80	

Biểu mẫu số 44 - NĐ 31/2017/NĐ-CP

**DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU VỐN SỰ NGHIỆP TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM
2024**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Tên đơn vị	Tổng số			Kinh phí thực hiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông			Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A	B	1=2+3	2=+5+8	3=6+9	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9
	Tổng số	221	221	0	0	96	0	0	125	0
I	Bổ sung mục tiêu vốn sự nghiệp	221	221	0	0	96	0	0	125	0
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	96	96			96				
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	125	125						125	